TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH P**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HSST
Ngày 11 - 5 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao V
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Tr
Bà Đỗ Thị Vân A

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2022/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 63/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hồng S, sinh ngày 18/4/1963; Nơi ĐKHKTT: Phường M, thành phố V, tỉnh P; chỗ ở hiện nay: Khu 4, xã S Vi, huyện TL, tỉnh P; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; con ông Nguyễn Đức Ninh và bà Ngô Thị Tuyết Nghĩa; có vợ là Nguyễn Thị Lan Phượng và 03 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 2006; tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án:

+ Bản án số 22/HSST ngày 26, 27/02/2004 của Toà án nhân dân tỉnh P xử phạt 03 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thu hồi của Nguyễn Hồng S để xung quỹ Nhà nước 32.156.000đ. Nguyễn Hồng S phải chịu 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm. S chấp hành xong hình phạt tù, đã nộp án phí , chưa thi hành xong số tiền xung quỹ Nhà nước. Đến thời điểm phạm tội chưa được xoá án tích.

+ Bản án số 08/2011/HSST ngày 29/3/2011 của Toà án nhân dân tỉnh P xử phạt Nguyễn Hồng S 04 (bốn) năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thu hồi của Nguyễn Hồng S để xung quỹ Nhà nước 252.500.000 đồng. Nguyễn Hồng S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.S chấp hành xong hình phạt tù ngày: 12/5/2015, đã nộp án phí , chưa thi hành xong số tiền xung quỹ Nhà nước.Đến thời điểm phạm tội chưa được xoá án tích.

Nhân thân: Bản án số 21/HS-ST ngày 06/3/1997 của Toà án nhân dân tỉnh P xử phạt Nguyễn Hồng S 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", 06 thàng tù về tội "Giả mạo giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước". Tổng hợp hình phạt buộc S phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội là 18 tháng tù. Bồi thường 1.000.000đ. Nguyễn

Hồng S phải chịu 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm.S chấp hành xong hình phạt tù ngày: 17/7/2000, đã bồi thường, khắc phục hâu quả và nộp án phí.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, ngày 05/01/2022 bị khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã S Vi, huyện TL, tỉnh P.

2. **Đinh Thị Tuyết MM;** sinh ngày 25/02/1966; Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở hiện nay: Phố Hồng Hà, phường T, thành phố V, tỉnh P; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; con ông Đinh Văn Thú và bà Đào Thị Chiêm; có chồng là Khuất Đình Hải, (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1991.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, tạm giữ từ ngày 17/11/2021 đến ngày 20/11/2021, xác định bị cáo có khả năng bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra ra Lệnh tạm giam đối với bị cáo từ ngày 20/11/2021. Ngày 14/02/2022, MM được thay thế biện pháp ngăn chặn. Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh tại phường T, thành phố V, tỉnh P.

3. Hà Thị N, sinh ngày: 28/5/1972; Nơi ĐKHKTT: Xã Xuân An, huyện Yên Lập, tỉnh P; chỗ ở hiện nay: Phố Thành Công, phường T, thành phố V, tỉnh P; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Hà Văn Trụ và bà Hà Thị Thành; có chồng là Nguyễn Tuấn Đông, (đã ly hôn) và có 03 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 167/HSST ngày 27/11/2002 của TAND tỉnh P xử phạt Hà Thị N 07 năm tù giam về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". Truy thu xung quỹ nhà nước 63.000đ. Hà Thị N phải chịu 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm. N chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/9/2008, đã nộp tiền xung quỹ Nhà nước và án phí. Đến thời điểm phạm tội đã được xoá án tích.

Bị cáo không bị bắt, tạm giữ, tạm giam, ngày 05/01/2022 bị khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường T, thành phố V, tỉnh P.

(Các bị cáo đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/3/2016, Đinh Thị Tuyết MM, sinh năm 1966, hộ khẩu thường trú: Phố Hồng Hà, phường T, thành phố V, tỉnh P được Uỷ ban nhân dân thành phố V, tỉnh P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) số CB986602 mang tên Đinh Thị Tuyết MM đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 69, diện tích: 126,6m^2 trong đó đất ở tại đô thị: 81,2m^2 và đất vườn: 45,4m^2, địa chỉ: phố Hồng Hà, phường T, thành phố V, tỉnh P, nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế và được tặng cho, đất được công nhận quyền sử dụng đất. Ngày 08/02/2017, MM chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho chị Lê Thị Tuyết Hoa, sinh năm 1973, HKTT: Phường Minh Nông, thành phố V, tỉnh P. Đến giữa tháng 02/2017, do cần tiền chi tiêu cá nhân, MM đã nhờ Hà Thị N, sinh năm 1972,

HKTT: Xã Xuân An, huyện Yên Lập, tỉnh P, hiện ở: Phường T, thành phố V, tỉnh P làm GCNQSD đất giả để MM sử dụng thế chấp vay tiền. Do N có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Hồng S, sinh năm 1963, HKTT: phường M, thành phố V, tỉnh P, hiện ở: xã S Vi, huyện TL, tỉnh P và biết S làm được các loại giấy tờ giả nên N đồng ý với đề nghị của MM. N sử dụng điện thoại cá nhân nhãn hiệu "Samsung" gắn sim số 0963.474.303 gọi đến số điện thoại 0974.588.668 của S để thuê S làm cho N 01 (một) GCNQSD đất giả, S đồng ý và yêu cầu N cung cấp bản photocoppy GCNQSD đất muốn làm giả, tiền công làm giả GCNQSD đất là 2% giá trị thửa đất. N yêu cầu MM cung cấp bản photocoppy GCNQSD đất và hỏi MM về giá trị thửa đất thì MM xác định thửa đất của MM khoảng 120m^2 có giá khoảng 3.000.000 đồng/m^2 nên N đã tự tính tiền công và bảo MM phải trả tiền công làm giả là 120m^2 x 3.000.000 đồng x 2% = 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng). MM đồng ý và hứa hẹn sẽ trả cho N tiền công làm giả là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), trong đó 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) để trả cho S, 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) là tiền công MM cho N. Ngày 20/02/2017, MM đưa cho N 01 (một) bản photocoppy GCNQSD đất số CB986602 mang tên Đinh Thị Tuyết MM đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 69, diện tích: 126,6m^2 trong đó đất ở tại đô thị: 81,2m^2 và đất vườn: 45,4m^2, địa chỉ: phố Hồng Hà, phường T, thành phố V, tỉnh P. Ngày 21/02/2017, tại nhà trọ của N ở phường T, thành phố V, tỉnh P, N đưa lại cho S bản photocoppy GCNQSD đất trên. S mang về phòng trọ gần đường Hòa Phong kéo dài thuộc thành phố V, P (do thời gian đã lâu, S không nhớ địa chỉ cụ thể) để làm GCNQSD đất giả. Đến ngày 23/02/2017, S đưa lại GCNQSD đất giả cho N để N chuyển lại cho MM, tuy nhiên thời điểm này MM chưa có tiền nên vẫn nợ tiền công làm giả GCNQSD đất. Sau khi nhận được GCNQSD đất giả, MM đã nhờ chị Lê Thị Huệ, sinh năm 1962, ở phường T, thành phố V, P tìm hộ MM nơi cho vay tiền có thế chấp bằng GCNQSD đất, chị Huệ đồng ý. Ngày 24/02/2017, chị Huệ cùng MM đi đến gặp anh Dương Anh Phương, sinh năm 1967, HKTT: Phố Minh Hà, phường T, thành phố V, tỉnh P là chủ cửa hàng vàng bạc Minh Xuyên để vay tiền tuy nhiên anh Phương yêu cầu phải có tài sản thế chấp nên MM đã sử dụng GCNQSD đất giả thế chấp cho anh Phương để vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), tuy nhiên anh Phương yêu cầu MM để lại GCNQSD đất để kiểm tra. Ngày 24/02/2017, anh Phương đã mang GCNQSD đất này đến Phòng tài nguyên môi trường thuộc Uỷ ban nhân dân thành phố V để kiểm tra thì UBND thành phố V phát hiện GCNQSD đất số CB986602 mang tên Đinh Thị Tuyết MM có dấu hiệu làm giả nên UBND thành phố V đã chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố V tiến hành điều tra theo quy định.

Ngày 09/3/2017, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P giám định GCNQSD đất số CB986602 mang tên Đinh Thị Tuyết MM. Tại bản kết luận giám định số 825/KLGĐ ngày 10/03/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận ***"Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CB986602 mang tên Đinh Thị Tuyết MM, sinh năm 1966, nơi đăng ký HKTT: Tổ 3, phường T, thành phố V, tỉnh P được làm bằng phương pháp in phun màu (GCNQSD đất giả)"***.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V đã triệu tập Đinh Thị Tuyết MM đến làm việc, tạm giữ của Đinh Thị Tuyết MM: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số

130984605 mang tên Đinh Thị Tuyết MM; 01 (một) Sổ hộ khẩu số 450302595 chủ hộ là Đinh Thị Tuyết MM. MM đã khai nhận hành vi sử dụng GCNQSD đất trên để đi vay tiền. Tuy nhiên, nhiều lần triệu tập Hà Thị N và Nguyễn Hồng S (MM khai nhờ làm GCNQSD đất giả) không được do N và S không có mặt ở nơi cư trú, không xác định được đang ở đâu, do đó Căn cứ hướng dẫn liên ngành số 10/HDLN ngày 08/12/2016 về tiếp nhận, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo Thông tư liên tịch số 06/2013 của Công an tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P. Quy định đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố khi đã hết thời hạn giải quyết nhưng chưa đủ căn cứ để ra Quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố V cùng thống nhất tạm dừng giải quyết.

Ngày 15/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giải quyết tin báo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2021, Đinh Thị Tuyết MM bị khởi tố bị can về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngày 17/11/2021, Đinh Thị Tuyết MM bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập Hà Thị N, Nguyễn Hồng S làm việc. Ngày 04/01/2022, S và N đã đến làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V. Ngày 05/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố V đã khởi tố bị can đối với S và N. Tại Cơ quan điều tra S, N đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cách thức làm GCNQSD đất giả mang tên Đinh Thị Tuyết MM, S khai nhận như sau: Tại phòng trọ của mình,S đã sử dụng máy tính cá nhân nhãn hiệu "DELL" để tải mẫu phôi GCNQSD đất trên mạng Internet và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu "Iphone 4" chụp ảnh các mẫu dấu tròn "ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ T. PHÚ THỌ", mẫu chữ ký cùng dấu chức danh "PHÓ CHỦ TỊCH Lê Sỹ Hồng" trên bản photocoppy GCNQSD đất, sau đó dùng phần mềm "Corel" (phần mềm vẽ đồ họa) đã được cài đặt trên máy tính vẽ lại đường nét, họa tiết, hoa văn, màu sắc của phôi GCNQSD đất, mẫu dấu, mẫu chữ ký và nhập thông tin giống như bản photocoppy GCNQSD đất của MM và in 01 bản GCNQSD đất giả lên giấy cứng bằng máy in phun màu nhãn hiệu "HP" của S. Để tạo hình dấu nổi có nội dung "BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG" trên GCNQSD đất giả S vẽ hình dấu trên máy tính và in ra phim (giấy nến), chụp từ phim lên lưới in để lấy hình dấu. Sau đó S dùng mực in mẫu con dấu lên viên đá mỹ thuật, dùng hóa chất Axit Clohidric (HCl) đã pha loãng nồng độ đổ lên viên đá mỹ thuật để hóa chất ăn mòn những phần không có mực in để tạo thành dấu giả có nội dung "BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG". S tiếp tục làm nóng viên đá mỹ thuật có hình dấu giả bằng nhiệt, dùng lực tay ép dấu giả lên GCNQSD đất tạo thành hình dấu nổi trên GCNQSD đất giả.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã làm rõ ngoài hành vi làm giả GCNQSD đất số CB986602 cho Đinh Thị Tuyết MM nêu trên, Nguyễn Hồng S còn làm giả các giấy tờ, tài liệu khác cho nhiều người cụ thể như sau:

Làm giả giấy tờ cho Hà Trường Giang, sinh năm 1973, HKTT: Khu 3B, xã Chu Hóa, thành phố V, tỉnh P: Năm 2014, Hà Trường Giang cùng vợ là Vũ Tạ Minh Thùy, sinh năm 1979, HKTT: Xã S Vi, huyện TL, P có mua 02 (hai) mảnh đất tại thửa đất số 617 và 618 thuộc khu Hồ Viềng, xã S Vi, TL, P, diện tích mỗi thửa 120m^2. Đến năm 2016, Giang và Thùy đã thế chấp toàn bộ diện tích đất nêu trên để vay tiền tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh TL. Tháng 6/2015, Giang mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova BKS: 19A-093.82 mang tên Hà Trường Giang và đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) Chi nhánh V. Tháng 8/2016, Thùy mua 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH có BKS: 19S1-209.29 mang tên Vũ Tạ Minh Thùy sau đó đã thế chấp vay tiền tại Công ty tài chính ngân hàng Home Credit. Do cần tiền chi tiêu cá nhân và có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Hồng S, biết S có thể làm được giấy tờ giả nên khoảng thời gian từ tháng 02/2016 đến tháng 10/2016, Giang nhiều lần gặp và liên hệ qua số điện thoại 0974.588.668 của S để thuê S làm các loại giấy tờ giả và sử dụng nhằm mục đích "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Sau đó Giang đã đưa cho S bản photocoppy của các giấy tờ để S làm giả. S đã làm cho Giang 09 (chín) giấy tờ giả có đặc điểm:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 006898 biển đăng ký 19A-093.82 mang tên Hà Trường Giang,
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 006660 biển đăng ký 19A-093.82 mang tên Hà Trường Giang,
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả số 008733 biển đăng ký 19S1-209.29 mang tên Vũ Tạ Minh Thùy,
- 02 (hai) GCNQSD đất giả số BT224927 của thửa đất số 617 địa chỉ Khu Hồ Viềng, xã S Vi, huyện TL, tỉnh P mang tên Hà Trường Giang và Vũ Tạ Minh Thùy,
- 01 (một) GCNQSD đất giả số BL224925 của thửa đất số 618 địa chỉ Khu Hồ Viềng, xã S Vi, huyện TL, tỉnh P mang tên Hà Trường Giang và Vũ Tạ Minh Thùy,
- 01 (một) GCNQSD đất giả số BL847823 của thửa đất số 618 địa chỉ Khu Hồ Viềng, xã S Vi, huyện TL, tỉnh P mang tên Hà Trường Giang và Vũ Tạ Minh Thùy,
- 01 (một) GCNQSD đất giả số BT224927 của thửa đất số 618 địa chỉ Khu Hồ Viềng, xã S Vi, huyện TL, tỉnh P mang tên Hà Trường Giang và Vũ Tạ Minh Thùy,
- 01 (một) GCNQSD đất giả số BL847823 của thửa đất số 623 địa chỉ Khu Hồ Viềng, xã S Vi, huyện TL, tỉnh P mang tên Hà Trường Giang và Vũ Tạ Minh Thùy.

Hà Trường Giang và Nguyễn Hồng S thỏa thuận tiền công làm giả giây chứng nhận đăng ký xe ô tô là 100.000 đồng/01 giấy, đối với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả và GCNQSD đất giả là 125.000 đồng/01 giấy. Tổng số tiền S thu lời từ việc làm 09 (chín) giấy tờ giả bán cho Giang là 1.075.000 đồng (Một triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 12/01/2017 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P ra quyết định trưng cầu giám định số 34 giám định tài liệu đăng ký xe mô tô BKS: 19S1-209.29; đăng ký xe ô tô

BKS: 19A-093.82 là thật hay giả. Ngày 20/01/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P có bản kết luận giám định số 757/KLGĐ kết luận: Giấy đăng ký xe mô tô BKS: 19S1-209.29 mang tên Vũ Tạ Minh Thùy là giả; giấy đăng ký xe ô tô BKS: 19A-093.82 mang tên Hà Trường Giang là giả.

Ngày 12/01/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P ra quyết định trưng cầu giám định số 35 giám định tài liệu 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số 224925 mang tên chủ hộ Hà Trường Giang là thật hay giả. Ngày 20/01/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P có bản kết luận giám định số 758/KLGĐ kết luận: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 224925 mang tên chủ hộ Hà Trường Giang là giả.

Ngày 09/02/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P ra quyết định trưng cầu giám định số 42 giám định tài liệu 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X239537 mang tên chủ hộ Hà Trường Giang; 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số BL224927 mang tên hộ ông Hà Trường Giang và bà Vũ Tạ Minh Thùy; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số BL847823 mang tên hộ ông Hà Trường Giang và bà Vũ Tạ Minh Thùy là thật hay giả. Ngày 13/02/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P có bản kết luận giám định số 775/KLGĐ kết luận: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X239537 mang tên chủ hộ Hà Trường Giang là thật; 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số BL224927; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất số BL847823 mang tên hộ ông Hà Trường Giang và bà Vũ Tạ Minh Thùy là giả.

Hà Trường Giang cùng Vũ Tạ Minh Thùy đã sử dụng giấy tờ giả trên để thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bản án số 32/2018/HS-ST ngày 31/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh P xử phạt Hà Trường Giang 14 (mười bốn) năm tù, Vũ Tạ Minh Thuỳ 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Sau đó, các bị cáo kháng cáo. Bản án số 629/2019/HS-PT ngày 17/10/2019, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt Hà Trường Giang 13 (mười ba) năm tù, Vũ Tạ Minh Thuỳ 12 (mười một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Làm giả giấy tờ cho Nguyễn Việt Hùng, sinh năm 1981, HKTT: Phường Gia Cẩm, thành phố V, tỉnh P: Tháng 8/2016, Nguyễn Việt Hùng là cán bộ Sở văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh P mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger XLS có BKS: 19C-093.74 mang tên Nguyễn Việt Hùng và đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) Chi nhánh P. Đến cuối tháng 5/2017, Hùng tiếp tục mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger có BKS: 19C-115.97 mang tên Nguyễn Việt Hùng và đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) Chi nhánh Hà Nội. Do cần tiền tiêu sài cá nhân và có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Hồng S, biết S có thể làm được giấy tờ giả nên khoảng thời gian từ tháng 10/2016 đến giữa năm 2017, Hùng nhiều lần liên hệ qua số điện thoại 0974.588.668 của S để thuê S làm các loại giấy tờ giả để sử dụng vào mục đích "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Sau đó, Hùng đã đưa cho S bản photocoppy của các giấy tờ để S làm giả. S đã làm cho Hùng 12 (mười hai) giấy tờ giả có đặc điểm:

- Khoảng tháng 10/2016, S làm giả cho Hùng 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015456 mang tên Nguyễn Việt Hùng, 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô số KC0753939 của xe ô tô BKS: 19C-093.74 và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 131495816 mang tên Đoàn Thu Hằng. Đối với các giấy tờ giả nêu trên Hùng phải trả tiền công làm giả cho S là 3.000.000 đồng,

- Khoảng tháng 01/2017, S làm giả cho Hùng 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006898 BKS: 80A-015.57 mang tên Bộ văn hóa thể thao và du lịch, 01 (một) giấy "Phí đường bộ toàn quốc năm 2017" số 000216, 01 (một) tem kiểm định số KC0753939, 01 (một) tem nộp phí sử dụng đường bộ số QA3365701 của xe ô tô BKS: 80A-015.57. Sau đó Hùng phải trả cho S tiền công làm giả các loại giấy tờ là 3.000.000 đồng,

- Khoảng tháng 03/2017, S làm giả cho Hùng 02 (hai) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015456 mang tên Nguyễn Việt Hùng, 02 (hai) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô số KC0753939 của xe ô tô BKS: 19C-093.74. Đối với các loại giấy tờ giả nêu trên Hùng phải trả tiền công cho S là 6.000.000 đồng.

- Khoảng giữa năm 2017, S làm giả cho Hùng 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 021670 mang tên Nguyễn Việt Hùng có BKS: 19C-115.97, Hùng phải trả tiền công cho S là 3.000.000 đồng,

Tổng số tiền S thu lời từ việc làm 12 (mười hai) giấy tờ giả bán cho Hùng là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Ngày 19/7/2017, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V ra Quyết định trưng cầu giám định số 249 đối với 12 (mười hai) giấy tờ nêu trên của Nguyễn Việt Hùng. Tại kết luận giám định số 1325/PC54 ngày 21/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô có số seri 015456 mang tên Nguyễn Việt Hùng, 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô có số seri KC0753939 của xe ô tô BKS: 19C-093.74, 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 131495816 mang tên Đoàn Thu Hằng, 01 (một) giây chứng nhận đăng ký xe ô tô có số seri 006898 BKS 80A-015-57 mang tên Bộ văn hóa thể thao và du lịch, 01 (một) giấy "Phí đường bộ toàn quốc năm 2017" có số seri 000216, 01 (một) tem kiểm định có số seri KC0753939, 01 (một) tem nộp phí sử dụng đường bộ có số seri QA3365701 của xe ô tô BKS: 80A-015.57, 02 (hai) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô có số seri 015456 mang tên Nguyễn Việt Hùng, 02 (hai) giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô có số seri KC0753939 của xe ô tô BKS: 19C-093.74, 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô có số seri 021670 mang tên Nguyễn Việt Hùng có BKS: 19C-115.97 là giả.

Nguyễn Việt Hùng đã sử dụng giấy tờ giả để thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bản án số 13/2018/HS-ST ngày 13/3/2018, Toà án nhân dân tỉnh P đã xử phạt Nguyễn Việt Hùng 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Làm giả giấy tờ cho Nguyễn Thanh Xuân, sinh năm 1973, HKTT: Phường Tân Dân, thành phố V, tỉnh P: Khoảng đầu năm 2014, Nguyễn Thanh Xuân là cán bộ Công an tỉnh P mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Deawoo Matit, BKS: 30A-100.32 của 01 người đàn ông tên Tuấn (Không rõ họ tên và địa chỉ) tại đường Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội và 01 xe ô tô có BKS: 29A-290.88 của người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ tại Khu Đá Chông, Ba Vì, Hà Nội. Khi mua xe không làm thủ tục mua bán xe theo

quy định vì cả 02 xe ô tô này đều không có giấy tờ. Do cần tiền tiêu sài cá nhân và có mối quan hệ quen biết với Nguyễn Hồng S, biết S có thể làm được giấy tờ giả nên khoảng thời gian từ tháng 8/2016 đến tháng 4/2017, Xuân nhiều lần gặp để thuê S làm các loại giấy tờ giả để sử dụng nhằm mục đích "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". S đã làm cho Xuân 32 (ba mươi hai) giấy tờ giả có đặc điểm:

- 23 (hai mươi ba) giấy chứng minh Công an nhân dân giả có số 183-108 mang tên Nguyễn Thanh Xuân,

- 03 (ba) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 006660 mang tên Bùi Quang Minh, địa chỉ: 25/32 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, biển đăng ký: 30A100.32 đề cấp ngày 04/6/2015,

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 006660 mang tên Phạm Văn Quý, địa chỉ: Ngõ 8 Chợ Gạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, biển đăng ký: 29A-290.88 đề cấp ngày 28/6/2011,

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 060417 mang tên Phạm Văn Quý, địa chỉ: Ngõ 8 Chợ Gạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, biển đăng ký: 29A-290.88 đề cấp ngày 28/6/2011,

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định giả số KC0753939 biển đăng ký: 30A-100.32 đề cấp ngày 14/11/2016,

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định giả số KC0753939 biển đăng ký: 29A-290.88 đề cấp ngày 04/11/2016,

- 02 (hai) giấy chứng nhận kiểm định giả số BA0176214 biển đăng ký: 30A100.32 đề cấp ngày 26/6/2016.

Nguyễn Thanh Xuân và Nguyễn Hồng S thỏa thuận tiền công S làm giả các loại giấy tờ là 500.000 đồng/01 giấy tờ, tổng số tiền S thu lời từ việc làm 32 (ba mươi hai) giấy tờ giả bán cho Xuân là 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng).

Ngày 09/6/2017, 19/9/2017 và 10/10/2017 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh P đã tiến hành trưng cầu giám định 20 Giấy chứng minh Công an nhân dân mang tên Nguyễn Thanh Xuân, 05 đăng ký xe ô tô, 04 giấy chứng nhận kiểm định. Tại kết luận giám định số 974/KLGĐ ngày 09/6/2017, số 1830/KLGĐ ngày 22/9/2017, số 1831/KLGĐ ngày 22/9/2017, số 1914/KLGĐ ngày 23/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P kết luận 20 Giấy chứng minh Công an nhân dân mang tên Nguyễn Thanh Xuân là giả, 05 đăng ký xe ô tô là giả, 04 giấy chứng nhận kiểm định là giả. (Còn lại 03 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả Xuân đã làm thất lạc nên Cơ quan điều tra không thu hồi được).

Nguyễn Thanh Xuân đã sử dụng giấy tờ giả để thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bản án số 21/2018/HS-ST ngày 17/5/2018, Toà án nhân dân tỉnh P xử phạt Nguyễn Thanh Xuân 8 (Tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội làm giả các loại giấy tờ cho Giang, Hùng, Xuân, Nguyễn Hồng S bỏ trốn không có mặt tại địa phương, không có lời khai nên Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh P đã tách hành vi của Nguyễn Hồng S để tiếp tục điều tra làm rõ. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố V đã làm rõ hành vi làm

giả 53 loại giấy tờ cho Giang, Hùng, Xuân của S, thu lời bất chính số tiền 32.075.000 đồng (Ba mươi hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) như đã nêu trên.

Cách thức làm giả các loại giấy tờ, tài liệu cho Giang, Hùng và Xuân, S khai như sau: Đối với các GCNQSD đất, S sử dụng máy tính cá nhân nhãn hiệu "DELL" để tải mẫu phôi GCNQSD đất trên mạng Internet và sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu "Iphone 4" chụp ảnh các mẫu dấu tròn, mẫu chữ ký cùng dấu chức danh trên bản photocoppy GCNQSD đất, sau đó dùng phần mềm "Corel" (phần mềm vẽ đồ họa) đã được cài đặt trên máy tính vẽ lại đường nét, họa tiết, hoa văn, màu sắc của phôi GCNQSD đất, mẫu dấu, mẫu chữ ký và nhập thông tin giống như bản photocoppy GCNQSD đất và in 01 bản GCNQSD đất giả lên giấy cứng bằng máy in phun màu nhãn hiệu "HP" của S. Để tạo hình dấu nổi trên GCNQSD đất giả S vẽ hình dấu trên máy tính và in ra phim (giấy nến), chụp từ phim lên lưới in để lấy hình dấu. Sau đó S dùng mực in mẫu con dấu lên viên đá mỹ thuật, dùng hóa chất Axit Clohidric (HCl) đã pha loãng nồng độ đổ lên viên đá mỹ thuật để hóa chất ăn mòn những phần không có mực in để tạo thành dấu giả. S tiếp tục làm nóng viên đá mỹ thuật có hình dấu giả bằng nhiệt, dùng lực tay ép dấu giả lên GCNQSD đất tạo thành hình dấu nổi trên GCNQSD đất giả.

Đối với các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và xe mô tô, tem kiểm định, tem nộp phí đường bộ và giấy "Phí đường bộ toàn quốc năm 2017", S cũng đều Sử dụng máy tính cá nhân nhãn hiệu "DELL" để tải mẫu phối trên mạng Internet và Sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu "Iphone 4" chụp ảnh các mẫu dấu tròn, mẫu chữ ký cùng dấu chức danh trên bản photocoppy, sau đó dùng phần mềm "Corel" trên máy tính để vẽ lại toàn bộ hình ảnh họa tiết, hoa văn, màu sắc với con dấu, chữ ký có trên các giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và xe mô tô và in ra các bản giây chứng nhận đăng ký xe ô tô và xe mô tô giả bằng máy in phun màu nhãn hiệu "HP" của S.

Đối với các giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô giả, S sử dụng phần mềm "Corel" trên máy tính cá nhân nhãn hiệu "DELL" để vẽ lại toàn bộ hình ảnh họa tiết, hoa văn, màu sắc cùng với con dấu, chữ ký có trên các giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô và sử dụng máy in phun màu nhãn hiệu "HP" in ra các bản giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô giả. Sau đó S sử dụng giấy đề can (Decal) trong suốt dán bảo vệ mặt ngoài của các giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, mặt trong được dán bằng giấy đề can mờ (trắng đục).

Đối với giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng minh Công an nhân dân, S sử dụng phần mềm "Corel" trên máy tính cá nhân nhãn hiệu "DELL" để vẽ lại toàn bộ hình ảnh họa tiết, hoa văn, màu sắc cùng với con dấu, chữ ký có trên giấy chứng minh nhân dân này và sử dụng máy in phun màu nhãn hiệu "HP" in ra sau đó S làm hình dấu nổi giả có nội dung "CHXHCN Việt Nam" "CÔNG AN TỈNH PHÚ THỌ" để ép lên trên phân ảnh cá nhân trên giấy chứng minh nhân dân và giấy chứng minh Công an nhân dân với cách thức giống như làm dấu nổi trên GCNQSD đất giả.

Như vậy, Nguyễn Hồng S đã làm giả tổng số 54 (năm mươi tư) giấy tờ giả các loại gồm GCNQSD đất, giấy tờ xe ô tô và mô tô, giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh Công an nhân dân và thu lời tổng số tiền là 32.075.000 đồng (Ba mươi hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Riêng lần làm giả giấy CNQSDĐ cho MM, S chưa thu được tiền công.

Đối với các công cụ, phương tiện S sử dụng để làm giả các loại giấy tờ giả nêu trên do bị hỏng không sử dụng được nữa, cuối năm 2017 S đã bán các loại máy tính cá nhân nhãn hiệu "Dell", máy in phun màu nhãn hiệu "HP S đã bán với giá 1.500.000 đồng, bán điện thoại nhãn hiệu "Iphone 4" kèm sim số 0974.588.668 với giá 1.500.000đồng (S không nhớ đã bán cho ai). Đối với các vật dụng là viên đá mỹ thuật, phim (giấy nến), giấy đề can (Decal), hóa chất Axit Clohidric (HCl) S đều đã vứt bỏ nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố V không thu giữ được.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu "Samsung" gắn sim số 0963.474.303 của Hà Thị N do đã bị hỏng, N đã vứt bỏ vào khoảng cuối năm 2017 nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố V không thu giữ được.

Ngày 15/03/2022, Nguyễn Hồng S tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) là tiền S đã thu lợi bất chính cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố V.

Đối với Lê Thị Huệ là người đưa Đinh Thị Tuyết MM đến gặp anh Dương Anh Phương thế chấp GCNQSD đất để vay tiền, chị Huệ không biết GCNQSD đất của Đinh Thị Tuyết MM là giả nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố V không đề cập xử lý.

Nguyên nhân, điều kiện và động cơ dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đinh Thị Tuyết MM đã thuê N và S làm giả GCNQSD đất giả sau đó sử dụng thế chấp vay tiền để chi tiêu cá nhân. Mặc dù hành vi của MM chưa dẫn đến hậu quả thiệt hại do chưa vay được tiền nhưng hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan, nhà nước.

Nguyễn Hồng S thực hiện hành vi làm nhiều giấy tờ giả cho MM, Giang, Hùng, Xuân vì mục đích thu lời bất chính. Hà Thị N đồng phạm với Nguyễn Hồng S vì mục đích thu lời bất chính.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo:

Quá trình điều tra S, N, MM đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Lần phạm tội này của MM là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng. Bị cáo S đã tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế 05 năm tại biên giới nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo MM có anh trai là liệt sỹ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N có bác ruột là liệt sỹ chống Mỹ cứu nước nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, Nguyễn Hồng S phạm tội nhiều lần, có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, d khoản 2 điều 267 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo S và bị cáo N phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm.

Về vật chứng, đồ vật, tài sản thu giữ trong vụ án: 01 (một) GCNQSD đất giả số CB986602 mang tên Đinh Thị Tuyết MM là vật chứng của vụ án (được đánh số bút lục 306A, 306B trong hồ sơ vụ án). 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 130984605 mang tên Đinh Thị Tuyết MM (bản gốc), 01 (một) Sổ hộ khẩu số 450302595 chủ hộ là

Đinh Thị Tuyết MM (bản gốc) thu giữ của Đinh Thị Tuyết MM được Cơ quan CSĐT - CA thành phố V chuyển theo hồ sơ vụ án. 01 (một) điện thoại di động (Đã qua sử dụng) nhãn hiệu NOKIA số seri 357732106163899 bên trong có gắn sim số 0946637691 là của Đinh Thị Tuyết MM đang tạm giữ tại kho vật chứng Công an thành phố V. 10.000.000đ (Mười triệu đồng) Nguyễn Hồng S tự nguyện nộp hiện đang tạm giữ tại tài khoản của Công an thành phố V mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh P.

Đối với vật chứng là 53 loại giấy tờ giả S đã làm cho Giang, Hùng, Xuân để các đối tượng trên thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được xử lý tại các bản án số 32/2018/HS-ST ngày 31/7/2018, số 13/2018/HS-ST ngày 13/3/2018, số 21/2018/HS-ST ngày 17/5/2018 của Toà án nhân dân tỉnh P (Bản án đã có hiệu lực pháp luật).

Về điều kiện kinh tế của các bị cáo, Cơ quan điều tra xác định:

Ngoài 01 (một) điện thoại di động (Đã qua sử dụng) nhãn hiệu NOKIA số seri 357732106163899 bên trong có gắn sim số 0946637691 và đồ dùng sinh hoạt hàng ngày, bị cáo MM không có tài sản riêng gì có giá trị.

Ngoài đồ dùng sinh hoạt hàng ngày, bị cáo S không có tài sản riêng gì có giá trị.

Hà Thị N có tài sản là 400m^2 đất ở, trên đất có nhà cấp 4, thửa đất số 06 tờ bản đồ số 21, đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là Hà Thị N, sinh năm 1972, HKTT: xã Xuân An, huyện Yên Lập, tỉnh P.

Tại Cáo trạng số: 55/CT-VKS-VT ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P đã truy tố các bị cáo**:**

- Nguyễn Hồng S về tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009;

- Đinh Thị Tuyết MM về tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Hà Thị N về tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong vụ án này, hành vi phạm tội của Nguyễn Hồng S, Hà Thị N, Đinh Thị Tuyết MM đều xảy ra trước ngày 01/01/2018, tính đến thời điểm hành vi phạm tội của các bị cáo bị truy tố thì BLHS năm 2015, sửa đổi 2017 đã có hiệu lực thi hành. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, tội phạm mà S thực hiện thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 điều 267 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có mức hình phạt nhẹ hơn mức hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tội phạm mà MM và N thực hiện thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 267 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có mức hình phạt nặng hơn mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Căn cứ khoản 3 Điều 7 BLHS quy định Hiệu lực của Bộ luật hình sự về thời gian và Nghị quyết số 41/2017 của Quốc hội thì hành vi phạm tội của S được áp dụng truy tố theo quy định tại điểm b, d khoản 2 điều 267 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; hành vi phạm tội của MM và N được áp dụng truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo:

- Nguyễn Hồng S phạm tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức";

- Đinh Thị Tuyết MM phạm tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

- Hà Thị N phạm tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Hồng S;

Áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Đinh Thị Tuyết MM

Áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 17, Điều 58, Điều 65; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Hà Thị N

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S từ 36 (ba mươi sáu) tháng tù đến 42 (bốn mươi hai) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Đinh Thị Tuyết MM từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù. (Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2021 đến ngày 14/02/2022).

- Xử phạt bị cáo Hà Thị N từ 18 (mười tám) tháng tù đến 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng đến 42 (bốn mươi hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hà Thị N cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh P để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi cư trú của người bị kết án trong việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về hình phạt bổ sung:

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hồng S và bị cáo Đinh Thị Tuyết MM.

- Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Hà Thị N 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là tiền bị cáo Nguyễn Hồng S tự nguyện nộp do S phạm tội mà có.

- Truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước của Nguyễn Hồng S số tiền 22.075.000đ (Hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) do S phạm tội mà có.

- Tịch thu 01 (một) GCNQSD đất giả số CB986602 mang tên Đinh Thị Tuyết MM là vật chứng được đánh số bút lục lưu trong hồ sơ vụ án. (bút lục 306A, 306B).

- Trả lại cho bị cáo Đinh Thị Tuyết MM: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 130984605 mang tên Đinh Thị Tuyết MM (bản gốc), 01 (một) Sổ hộ khẩu số 450302595 chủ hộ là Đinh Thị Tuyết MM (bản gốc); 01 (một) điện thoại di động (đã qua sử dụng) nhãn hiệu NOKIA số seri 357732106163899 bên trong có gắn sim số 0946637691 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Hồng S, Đinh Thị Tuyết MM, Hà Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố V, tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung

- Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hồng S, Đinh Thị Tuyết MM, Hà Thị N đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau:

Từ tháng 2 năm 2016 đến tháng 4 năm 2017, Nguyễn Hồng S đã nhiều lần trực tiếp làm 53 giấy tờ giả các loại gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy tờ xe ô tô và mô tô, giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng minh Công an nhân dân cho Hà Trường Giang, Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Thanh Xuân thu lời bất chính tổng số tiền 32.075.000 đồng *(Ba mươi hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);* làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Đinh Thị Tuyết MM nhằm thu lời bất chính số tiền 7.200.000đ *(Bảy triệu hai trăm nghìn đồng).*

Hà Thị N đồng phạm với Nguyễn Hồng S thực hiện hành vi làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Đinh Thị Tuyết MM nhằm thu lời bất chính số tiền 2.800.000đ *(Hai triệu tám trăm nghìn đồng).*

Đinh Thị Tuyết MM đã thực hiện hành vi sử dụng giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng giả số CB986602 để đi thế chấp nhằm vay số tiền 200.000.000đ *(hai trăm triệu đồng)* của anh Dương Anh Phương thì bị phát hiện.

Hà Trường Giang, Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Thanh Xuân là những người thuê S làm giả các loại giấy tờ để thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã bị Tòa án nhân dân tỉnh P, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đưa ra xét xử trước pháp luật.

Lời khai nhận tội của bị cáo S, bị cáo MM và bị cáo N phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; bị cáo Đinh Thị Tuyết MM phạm tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; bị cáo Hà Thị N phạm tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Đánh giá tính chất vụ án: Đối với bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng; bị cáo Đinh Thị Tuyết MM và Hà Thị N phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường và uy tín, đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, gây mất trật tự trị an xã hội, thể hiện sự coi thường bất chấp pháp luật, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, nên cần phải xử lý thật nghiêm các bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Hồng S, Đinh Thị Tuyết MM, Hà Thị N đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo MM phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra MM còn có anh trai là liệt sỹ nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo S đã tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế 05 năm tại biên giới nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N có bác ruột là liệt sỹ chống Mỹ cứu nước nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo S phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm do có 02 tiền án về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" và "phạm tội nhiều lần" nên phải chịu tình tiết định khung tặng nặng quy định tại điểm b, d khoản 2 điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, do đó không áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo S và bị cáo N phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm, vì vậy khi xem xét quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc mức hình phạt sao cho phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội cũng như nhân

thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo cho phù hợp.

[3]. Về hình phạt bổ sung:

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hồng S và bị cáo Đinh Thị Tuyết MM.

- Xử phạt bị cáo Hà Thị N 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là tiền bị cáo Nguyễn Hồng S tự nguyện nộp do phạm tội mà có.

- Truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Hồng S số tiền 22.075.000đ (Hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) do phạm tội mà có.

- Đối với 01 (một) GCNQSD đất giả số CB986602 mang tên Đinh Thị Tuyết MM là vật chứng đã đánh số bút lục cần được lưu trong hồ sơ vụ án. (bút lục 306A, 306B).

- Trả lại cho bị cáo Đinh Thị Tuyết MM: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 130984605 mang tên Đinh Thị Tuyết MM (bản gốc), 01 (một) Sổ hộ khẩu số 450302595 chủ hộ là Đinh Thị Tuyết MM (bản gốc); 01 (một) điện thoại di động (đã qua sử dụng) nhãn hiệu NOKIA số seri 357732106163899 bên trong có gắn sim số 0946637691 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với vật chứng là 53 loại giấy tờ giả S đã làm cho Giang, Hùng, Xuân để các đối tượng trên thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được xử lý tại các bản án số 32/2018/HS-ST ngày 31/7/2018, số 13/2018/HS-ST ngày 13/3/2018, số 21/2018/HS-ST ngày 17/5/2018 của Toà án nhân dân tỉnh P (Bản án đã có hiệu lực Pháp luật).

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt cũng như những nội dung khác là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với Nguyễn Hồng S.

Căn cứ khoản 1 Điều 341, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với Đinh Thị Tuyết MM.

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341, Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với Hà Thị N.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Tuyên bố bị cáo Đinh Thị Tuyết MM phạm tội: "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Xử phạt bị cáo Đinh Thị Tuyết MM 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. (Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2021 đến ngày 14/02/2022).

3. Tuyên bố bị cáo Hà Thị N phạm tội: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Xử phạt bị cáo Hà Thị N 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hà Thị N cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh P để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương nơi cư trú của người bị kết án trong việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về hình phạt bổ sung:

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hồng S và bị cáo Đinh Thị Tuyết MM.

- Xử phạt bị cáo Hà Thị N 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) là tiền bị cáo Nguyễn Hồng S tự nguyện nộp do phạm tội mà có. *(Theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006826 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.*

- Truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Hồng S số tiền 22.075.000đ *(Hai mươi hai triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* do phạm tội mà có.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 (một) GCNQSD đất giả số CB986602 mang tên Đinh Thị Tuyết MM.

- Trả lại cho bị cáo Đinh Thị Tuyết MM:

+ 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 130984605 mang tên Đinh Thị Tuyết MM (bản gốc), 01 (một) Sổ hộ khẩu số 450302595 chủ hộ là Đinh Thị Tuyết MM (bản gốc);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (đã qua sử dụng) số seri 357732106163899 bên trong có gắn sim số 0946637691. *(Theo biên bản giao, nhận vật*

chứng ngày 18/4/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, tỉnh P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P).

6 Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Hồng S, Đinh Thị Tuyết MM, Hà Thị N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. V, T. P;
- CQCA TP. V, T. P;
- THA HS, DS TP. V, T. P;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu HS,VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Cao V